

NEOLEX 950BC®

Chất diệt khuẩn

1. MÔ TẢ:

NEOLEX-950BC® là một chất diệt khuẩn có hiệu quả cao trong việc loại trừ vi khuẩn và nấm vi sinh hình thành màng nhầy.

2. ƯU ĐIỂM:

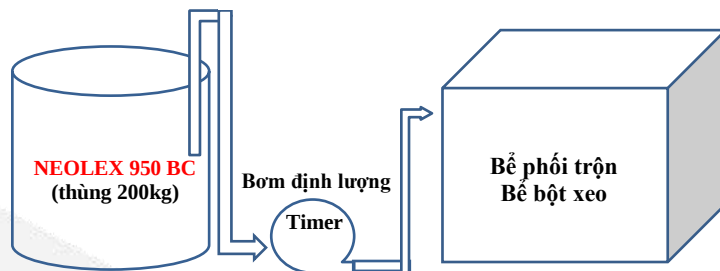
- Ngăn chặn sự phát triển của vi sinh vật.
- Giảm tắc nghẽn và hình thành cặn sinh học (biofilm): vi sinh vật có thể tạo biofilm trên ống dẫn, bề mặt máy móc hoặc bể chứa, gây tắc nghẽn và giảm hiệu suất thiết bị. **NEOLEX-950BC®** giúp kiểm soát vấn đề này, duy trì dòng chảy ổn định.
- Vi sinh vật có thể làm đổi màu giấy (ố vàng, đốm đen), gây mùi hôi hoặc làm yếu liên kết giữa sợi giấy. Chất diệt khuẩn giúp bảo vệ độ trắng, độ bền và chất lượng thẩm mỹ của giấy.
- Kéo dài tuổi thọ của thiết bị và hệ thống sản xuất.
- Phù hợp với nhiều giai đoạn trong quy trình sản xuất: chất diệt khuẩn có thể được dùng ở nhiều điểm: nước cấp, bể nghiền, bể chứa bột giấy, hệ thống tuần hoàn nước trắng, hoặc trong xử lý nước thải.
- Tính ổn định cao và thích hợp trong khoảng pH rộng, phù hợp với môi trường phổ biến trong sản xuất giấy.
- An toàn trong quá trình sử dụng và thân thiện với môi trường.

3. THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Ngoại quan	: Chất lỏng trong suốt màu vàng nhạt
Tỷ trọng (g/cm ³)	: 1.1 ± 0.1
pH	: 2.0 – 4.0 (dd gốc)
Độ nhớt (cps)	: 5 – 15 (dd gốc)
Hoà tan	: Dễ phân tán trong nước

4. SỬ DỤNG:

- Liều lượng: từ 0.01 - 0.03% so với khối lượng sản phẩm (tương đương 0.1 - 0.3 kg/tấn sản phẩm).
- Điểm cho: Bể phối trộn bột (Mixing chest) hoặc bể bột xeo (Machine chest) bằng hệ thống bơm định lượng.
- Thời gian: 3 lần/ngày, mỗi lần bơm trong khoảng 2-3 giờ (sử dụng bộ điều khiển thời gian (timer) cho bơm định lượng).



Lưu ý: Hóa chất có tính ăn mòn và mùi rất mạnh, khi sử dụng, bảo trì, vệ sinh nên trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ như găng tay chịu hóa chất, khẩu trang, ...

5. BẢO QUẢN VÀ LƯU TRỮ

- Tránh ánh nắng chiếu trực tiếp.
- Đóng chặt nắp và lưu giữ ở nơi thoáng mát (20 – 30°C) nếu không sử dụng.
- Hạn sử dụng: 12 tháng.
- Không sử dụng vỏ thùng đã hết cho mục đích khác.

6. XUẤT XỨ VÀ ĐÓNG GÓI

- Đóng gói: 200 kg/thùng.
- Hình ảnh đóng gói:



- Hoàn tất sản xuất và đóng gói tại **Công ty NEOTECH, Hàn Quốc**.
- Chịu trách nhiệm về sản phẩm và phân phối tại Việt Nam bởi **Công ty Thuận Phát Hưng, Việt Nam**.

Cần đọc kỹ hướng dẫn sử dụng và tuân thủ các điều kiện an toàn lao động được quy định trên MSDS khi sử dụng sản phẩm.

Những thông tin trên đây chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không thể tiên đoán chính xác hiệu quả ở mỗi điều kiện khác nhau hoặc kết hợp với các phụ gia khác mà nhà máy ứng dụng. Vì thế, chúng tôi không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng có sự thay đổi khác với những thông tin này. Các nhà máy nên sử dụng một khoảng thời gian tối thiểu đủ để đánh giá và xác định điều kiện tối ưu trước khi sử dụng lâu dài để đạt hiệu quả chất lượng giấy cao nhất có thể. Nhân viên của Thuận Phát Hưng sẽ sẵn lòng hướng dẫn khi được yêu cầu.

 Thuận Phát Hưng	PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT MATERIAL SAFETY DATASHEET (MSDS) Tên hóa chất: Chất diệt khuẩn Neolex 950 BC
---	--

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP
a) Thông tin sản phẩm: Số CAS: Xem thành phần Số UN (nếu có): N/A Số đăng ký EC (nếu có): 233-539-7 Tên thương mại: Chất diệt khuẩn Neolex 950 BC b) Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng: Mục đích sử dụng: Diệt và kiểm soát hàm lượng vi sinh vật trong dung dịch bột giấy c) Thông tin nhà cung cấp: Nhà sản xuất: NEOTECH Địa chỉ : 18363, #23, Annyeongnam-ro 96beon-gil, Hwaseong-si, Gyeonggi-do, Korea Điện thoại : +82-31-372-8368/9 Nhà phân phối: Công ty TNHH Thuận Phát Hưng Địa chỉ: 129 Đường A4, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: (+84) 907 88 78 78 d) Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: (+84) 907 88 78 78
2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT
a) Phân loại theo GHS: Các chất ăn mòn kim loại: Loại 1 Độc tính cấp tính (uống): Loại 3 Độc tính cấp tính (hạ bì): Loại 4 Độc tính cấp tính (hít phải: bụi/sương mù): Loại 2 Ăn mòn da / kích ứng da: Loại 2 Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt: Loại 2 Nhạy cảm với da: Loại 1 Nguy hiểm thủy sinh cấp tính: Loại 1 • H290 : Có thể ăn mòn kim loại • H602 : Độc nếu nuốt phải • H312 : Có hại khi tiếp xúc với da • H315 : Gây kích ứng da • H317 : Có thể gây ra phản ứng dị ứng da • H319 : Gây kích ứng mắt nghiêm trọng • H330 : Gây tử vong nếu hít phải • H400 : Rất độc cho đời sống thủy sinh b) Các yếu tố nhãn theo GHS:  c) Các thông tin nguy hại khác : Chưa có thông tin

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT			
Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (%)
Glutaraldehyde	111-30-8	C ₅ H ₈ O ₂	3
CMIT	26172-55-4	C ₄ H ₄ ClNOS	5-10
MIT	2682-20-4	C ₄ H ₅ NOS	3-5
Nước	7732-18-5	H ₂ O	82-89
4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ			
a) Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm: – Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt (bị văng, dây vào mắt): Rửa mắt liên tục bằng nhiều nước ít nhất 10 phút, nếu có triệu chứng khác thường cần đến bác sĩ chuyên khoa mắt. – Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Rửa vùng bị dính bằng thật nhiều nước sạch. Ngay lập tức thay áo quần bị nhiễm bẩn. – Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa ra vùng không khí sạch, cần hỗ trợ y tế nếu có triệu chứng khác thường. b) Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này: Chưa có thông tin c) Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết: Chưa có thông tin			
5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HÓA HOẠN			
a) Các phương tiện chữa cháy thích hợp: Sử dụng nước, bột khô, cacbon dioxit và các vật liệu trợ khác. b) Các chất độc được sinh ra khi bị cháy : Chưa có thông tin c) Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy: Cần có trang phục bảo hộ phù hợp khi chữa cháy.			
6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ			
a) Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố: Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ như mặt nạ, quần áo bảo hộ, găng tay, ủng khi xử lý sự cố. Thay áo quần bị nhiễm bẩn, tắm sạch với nhiều nước và xà phòng. b) Các cảnh báo về môi trường: Không được thải trực tiếp vào hệ thống cống rãnh hoặc môi trường. Nếu vô tình thải một lượng lớn vào môi trường nước có thể gây hại cho các sinh vật dưới nước. c) Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố: Dùng dụng cụ nhựa để xúc đổ vào các thùng chứa bằng nhựa, không xả trực tiếp vào nguồn nước.			
7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN			
a) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm : Cần được bảo quản tại nơi khô ráo, mát, thoáng gió, được che mưa, nắng. b) Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Không bảo quản chung một nơi với các chất không tương thích. Bảo quản ở nhiệt độ phòng.			
8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN			
a) Các thông số kiểm soát : Chưa có thông tin b) Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp: Hạn chế tiếp xúc trực tiếp. Không được hít hơi. Đảm bảo đầy đủ không khí sạch trong những phòng kín. Không ăn uống hút thuốc nghỉ ngơi hội họp ở nơi có hoá chất. c) Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân: Bảo vệ mắt: Đeo kính hoặc mặt nạ bảo hộ Bảo vệ thân thể: Mặc trang phục bảo hộ Bảo vệ tay: Mang găng tay Bảo vệ chân: Mang ủng			

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT
a) Trạng thái vật lý: Lỏng b) Màu sắc: Màu vàng nhạt c) Mùi đặc trưng: Mùi đặc trưng d) Độ pH: 2.0-4.0 e) Khối lượng riêng (g/cm³): 1.1 ± 0.1 f) Độ hòa tan trong nước: Tan tốt trong nước g) Điểm sôi (°C): Chưa có thông tin h) Điểm nóng chảy (°C): 0°C i) Điểm sôi (°C): 100°C j) Điểm chớp cháy (°C): Chưa có thông tin k) Áp suất hóa hơi (mm Hg): Chưa có thông tin l) Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: Chưa có thông tin m) Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin n) Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Chưa có thông tin o) Tỷ lệ hóa hơi: Chưa có thông tin
10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT
a) Khả năng phản ứng: Hầu như không xảy ra phản ứng phân hủy trong điều kiện thông thường. b) Tính ổn định: Độ ổn định cao trong môi trường bình thường, chưa có thông tin trong trường hợp đặc biệt. c) Phản ứng nguy hiểm (ví dụ: ăn mòn, cháy nổ...): Chưa có thông tin cảnh báo. d) Các điều kiện cần tránh (ví dụ: tĩnh điện, rung, lắc...): Tránh nhiệt, lửa và các nguồn gây cháy khác. e) Vật liệu không tương thích: Chất oxy hóa f) Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy: Sản phẩm phân hủy nhiệt gồm oxit nito và các hợp chất halogen.
11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH
a) Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau (ví dụ: đường thở, tiêu hóa, tiếp xúc mắt/da): Sau khi hít hơi : gây hư hại màng nhầy Sau khi tiếp xúc vào da: gây kích ứng da. Tiếp xúc với mắt: gây tổn thương giác mạc, nặng có thể dẫn đến mù Sau khi nuốt vào : gây đau nghiêm trọng. Buồn nôn, nôn và tiêu chảy b) Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại của hóa chất và độc sinh thái: Chưa có thông tin c) Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và những ảnh hưởng mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn: Chưa có thông tin d) Liệt kê những thông số về độc tính (ước tính mức độ độc cấp tính): • Dữ liệu độc tính ▪ LD50 trên da thỏ: 800 mg/kg ▪ LD50 đường uống ở chuột: 10mg/kg ▪ LD 50 đường tiêm tĩnh mạch ở chuột: 118mg/kg • Ảnh hưởng sức khỏe ▪ Tiếp xúc trực tiếp: Liều lượng gây tử vong ở một động vật có vú: 118mg ▪ Phơi nhiễm thời gian dài : gây nhức đầu, mê sảng, yếu cơ bắp, suy tim, chán ăn, đau dạ dày.
12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

a) Độc môi trường (nước và trên cạn): Độc với cá: LC50 1800 ug/L 96 tuần b) Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy: Chưa có thông tin c) Khả năng tích lũy sinh học: Chưa có thông tin d) Độ linh động trong đất: Chưa có thông tin e) Các tác hại khác: Chưa có thông tin
13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ
Sản phẩm: Xử lý theo quy định của địa phương và quốc gia.. Một số cơ quan có thẩm quyền phụ trách hoặc các công ty xử lý chất thải, các cơ quan này sẽ cho bạn những chỉ dẫn làm sao để hủy bỏ chất thải đặc biệt. Hóa chất hết hạn hoặc mất phẩm chất phải được xử lý, nếu hủy bỏ phải tuân thủ quy định nhà nước hiện hành. Bao bì: Hủy bỏ được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Xử lý bao bì bị nhiễm bẩn cũng giống như việc xử lý bản thân hóa chất đó. Nếu các điều luật không có qui định khác biệt, bao bì không nhiễm bẩn có thể xử lý giống như chất thải sinh hoạt hoặc tái sử dụng.
14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN
a) Số hiệu UN: N/A b) Tên phương tiện vận chuyển đường biển: N/A c) Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển: N/A d) Quy cách đóng gói (kg/thùng): 200 hoặc 1000 – Phân loại hàng nguy hiểm cơ bản: Hóa chất này không được quy định. – Vận tải đường bộ: Không được phân loại. – Vận tải đường biển: Không được phân loại. – Vận tải đường không: Không được phân loại.
15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT
Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất. Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP và thông tư số 17/2022/TT-BCT.
16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC
Ngày tháng biên soạn Phiếu: 06/03/2018 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 05/2025 Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Thuận Phát Hưng Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.